**PHỤ LỤC 1**

**TỔNG HỢP NHỮNG KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC "ĐIỂM NGHẼN"**

**TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06 TỈNH BẮC KẠN**

**(Căn cứ Công văn số 448/TCTTKĐA ngày 16/01/2024 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06/CP)**

**Tổng số: 5 nhóm nhiệm vụ (11 nội dung)**

**Đến nay: đã hoàn thành: 6/11 nội dung; chưa hoàn thành: 5/11 nội dung**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung khó khăn vướng mắc, điểm nghẽn** | **Đơn vị chủ trì thực hiện** | **Đã hoàn thành** | **Kết quả thực hiện, giải trình** **khó khăn** | **Phương hướng** |
| **Nhóm 1: Về pháp lý** |
| 1 | Ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện | Sở Tài chính | x | Nghị quyết số 04/2023/HĐND ngày 01/8/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân. |  |
| 2 | Kế hoạch triển khai mô hình điểm trên địa bàn  | Công an tỉnh | x | Kế hoạch số 693KH-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh về thực hiện các mô hình điểm Đề án 06/CP. |  |
| 3 | Kết quả đánh giá bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp | Văn phòng UBND | x | Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử và công bố kết quả đánh giá (tháng) tại cuộc họp giao ban hằng tháng về Cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 do Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì |  |
| **Nhóm 2: Về hạ tầng CNTT** |
| 4 | Chỉ đạo các cơ quan tổ chức hoàn thành hợp nhất hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công quốc gia  | Sở Thông tin và Truyền thông | x | Đã hợp nhất thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC  |  |
| 5 |  Triển khai Trung tâm diều hành IOC của địa phương (theo Quyết định 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020) | Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan | Chưa |  |  |
| **Nhóm 3: Về số hoá, thu thập dữ liệu** |
| 6 |  Số hoá dữ liệu hộ tịch (theo Chỉ thị 05/ CT-TTg ngày 03/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ) | Sở Tư pháp | x | Số hoá 271.490/271.490, đạt 100% dữ liệu cần số hoá. |  |
| 7 | Số hoá dữ liệu đất đai (theo Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ) | Sở Tài nguyên và môi trường | Chưa | Đến nay đã tham mưu số hoá dữ liệu đất đai được 1.151.326 thửa đất của 80 xã, phường, thị trấn thuộc 6/8 huyện, thành phố; tổ chức quản lý, vận hành và khai thác sử dụng dữ liệu đất đai của tỉnh Bắc Kạn; còn 280.927 thửa đất của 28 xã, thị trấn huyện Bạch Thông, huyện Chợ Mới  | (Thời gian dự kiến hoàn thành trong quý II/2025). |
| 8 | Số hoá dữ liệu người lao động (theo Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ) | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | Chưa | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã có văn bản yêu cầu trích xuất dữ liệu từ Công an tỉnh, kết quả: không thực hiện được, Công an tỉnh đã có văn bản trả lời số: 5370/CAT-PC06 ngày 01/12/2023.  | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cần có báo cáo và đề xuất bằng văn bản với Cục Việc làm, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cung cấp các dữ liệu liên quan để phục vụ công tác. |
| **Nhóm 4: Về nguồn lực** |
| 9 | Dự toán, đề xuất bố trí kinh phí triển khai Đề án năm 2024  | Sở Tài chính phối hợp sở Thông tin và Truyền thông | Chưa |  Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét phân bổ kinh phí cho các đơn vị tại phiên họp đầu năm 2024 **\* Khó khăn:** thiếu cơ chế pháp lý chưa phân định rõ nhiệm vụ của các cấp ngân sách (trung ương, địa phương); chưa quy định cụ thể thẩm quyền phê duyệt dự án, dự toán các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 thực hiện từ nguồn hỗ trợ của ngân sách địa phương (cơ quan trung ương phê duyệt theo phân cấp hay địa phương phê duyệt). | (Dự kiến thông qua trong tháng 3/2024).  |
| **Nhóm 5: Về An sinh xã hội** |
| 10 | Việc triển khai thực hiện chi trả trợ cấp an sinh xã hội cho các đối tượng trong diện quản lý (theo Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ) | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội | x | Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 23/5/2023 của Ủy ban nhân tỉnh về triển khai thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi, trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt cho người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | (1) Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân để các đối tượng hiểu rõ về lợi ích của việc không dùng tiền mặt; (2) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngân hàng thương mại hỗ trợ, miễn giảm chi phí mở, duy trì tài khoản cho các đối tượng và đầu tư mở rộng mạng lưới cây ATM và các điểm giao dịch ngân hàng. |
| 11 | Tỷ lệ chi trả an sinh xã hội cho các đối tượng đã có tài khoản đạt thấp (37.14%) | Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp Công an, ngân hàng nông nghiệp | Chưa hoàn thành (chi tiêu giao chi trả 100% cho đối tượng đã có tài khoản) | - Sở lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện ; Công an tỉnh ban hành 3 văn bản đôn đốc phối hợp triển khai thực hiện; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Công văn số: 266/NHNo.BK-KHCN ngày 31/01/2024 về việc phối hợp triển khai chi trả an sinh xã hội bằng hình thức không dùng tiền mặt, trong đó đã có chính sách ưu đãi phí dịch vụ.**\* Nguyên nhân:** tỷ lệ thấp chủ yếu do: đối tượng thuộc diện an sinh xã hội chủ yếu là người già, người cao tuổi, người khuyết tật, những người yếu thế trong xã hội. Đa số các đối tượng có những hạn chế về khả năng tiếp cận thông tin, không có điện thoại thông minh. Hệ thống điểm rút tiền tự động ATM chủ yếu được đặt ở trung tâm các huyện, thành phố, chưa bố trí lắp đặt tại cấp xã nên người dân ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, khó tiếp cận, thao tác thực hiện. | Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân phối hợp thực hiện. |